



TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 8813:2011

Xuất bản lần 1

HẠT GIỐNG SU HÀO – YÊU CẦU KỸ THUẬT

Kohlrabi seeds – Technical requirements

HÀ NỘI – 2011

Lời nói đầu

TCVN 8813:2011 được chuyển đổi từ 10 TCN 317 - 2003 thành tiêu chuẩn quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

TCVN 8813:2011 do Viện nghiên cứu Rau quả thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Hạt giống su hào – Yêu cầu kỹ thuật

Kohlrabi seeds – Technical requirements

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật đối với hạt giống su hào thuộc loài *Brassica oleracea* (L) var. *gongyloides* L.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 8548:2011, *Hạt giống cây trồng – Phương pháp kiểm nghiệm*.

TCVN 8550:2011, *Giống cây trồng – Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng thuật ngữ và định nghĩa sau đây :

3.1

Hạt giống gốc (Breeder seed)

Giống tác giả (Breeder seed)

Hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.

3.2

Hạt giống siêu nguyên chủng (Pre-basic seed)

Hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

3.3

Hạt giống nguyên chủng (Basic seed)

Hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

3.4

Hạt giống xác nhận (Certified seed)

Hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

3.5

Độ thuần giống (Varietal purity)

Tỷ lệ phần trăm các cây đồng nhất về các tính trạng đặc trưng của giống so với tổng số cây kiểm tra.

3.6

Tính đúng giống (Trueness of variety)

Sự phù hợp về các tính trạng đặc trưng của mẫu kiểm tra so với mẫu chuẩn.

3.7

Hạt sạch (Pure seed)

Hạt của loài cây trồng chiếm ưu thế trong mẫu phân tích, bao gồm tất cả các giống của loài cây trồng đó.

3.8

Cây khác dạng (Off-type plant)

Cây có một hoặc nhiều tính trạng đặc trưng khác biệt rõ ràng so với mẫu chuẩn của giống được kiểm tra.

4 Yêu cầu kỹ thuật

4.1 Yêu cầu đối với ruộng giống

4.1.1 Yêu cầu về đất

Ruộng sản xuất hạt giống su hào trước khi gieo phải sạch cỏ dại, vụ trước không trồng cây họ Thập tự (Brassicaceae).

4.1.2 Kiểm định ruộng giống

Ruộng giống su hào phải được kiểm định ít nhất 3 lần:

- Lần 1: Kiểm tra nguồn gốc giống, cách ly, cây khác dạng, sâu bệnh khi cây bắt đầu phình củ.
- Lần 2: Kiểm tra cây khác dạng, sâu bệnh khi củ đạt giá trị thương phẩm.
- Lần 3: Kiểm tra cây khác dạng, sâu bệnh, vào thời kỳ ra hoa rộ.

Trong đó, lần kiểm định thứ 3 phải do người kiểm định đồng ruộng được công nhận thực hiện.

4.1.3 Tiêu chuẩn ruộng giống

4.1.3.1 Cách ly

Ruộng giống phải cách ly tối thiểu với các ruộng su hào và các cây họ Thập tự khác theo quy định dưới đây (trừ trường hợp sản xuất trong nhà lưới):

- a) Giống siêu nguyên chủng và nguyên chủng: cách 1 000 m.
- b) Giống xác nhận: cách 500 m.

4.1.3.2 Độ thuần ruộng giống

Tại mỗi lần kiểm định, ruộng giống su hào phải đạt độ thuần giống tối thiểu như quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Độ thuần ruộng giống su hào

Chỉ tiêu	Giống siêu nguyên chủng	Giống nguyên chủng	Giống xác nhận
1. Cây họ Thập tự, % số cây, không lớn hơn	0	0	0
2. Độ thuần ruộng giống, % số cây, không nhỏ hơn	100	99,5	98,0

4.2 Yêu cầu đối với hạt giống

Chất lượng hạt giống su hào được quy định trong Bảng 2.

Bảng 2 – Yêu cầu đối với hạt giống su hào

Chỉ tiêu	Giống siêu nguyên chủng	Giống nguyên chủng	Giống xác nhận
1. Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	98,0	98,0	98,0
2. Hạt cỡ đại, số hạt/kg, không lớn hơn	0	5	10
3. Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	80	80	80
4. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	9,0	9,0	9,0

5 Phương pháp thử

5.1 Đối với ruộng giống

5.1.1 Kiểm định ruộng giống, theo TCVN 8550:2011.

TCVN 8813:2011

5.1.2 Xác định tỷ lệ cây họ Thập tự trong ruộng giống, theo TCVN 8550:2011.

5.1.3 Xác định độ thuần ruộng giống, theo TCVN 8550:2011.

5.2 Đối với hạt giống

5.2.1 Lấy mẫu, theo TCVN 8548:2011.

5.2.2 Xác định độ sạch, theo TCVN 8548:2011.

5.2.3 Xác định hạt cỏ dại, theo TCVN 8548:2011.

5.2.4 Xác định tỷ lệ nảy mầm, theo TCVN 8548:2011.

5.2.5 Xác định độ ẩm, theo TCVN 8548:2011.

